

THỐNG KÊ NGUYỆN VỌNG THÍ SINH TUYỂN SINH 10 THƯỜNG
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 KHÓA NGÀY 11, 12 THÁNG 6 NĂM 2016

(Đính kèm Công văn số 1412/GDĐT-KTKĐCLGD ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	NV1	NV2	NV3
1	THPT Trưng Vương	675	1,169	470	21
2	THPT Bùi Thị Xuân	630	1,032	20	3
3	THPT Ten Lơ Man	585	671	852	612
4	THPT Năng khiếu TDTT	250	69	303	726
5	THPT Lương Thế Vinh	360	627	517	31
6	THPT Giồng Ông Tố	495	574	222	117
7	THPT Thủ Thiêm	675	338	1,022	1,574
8	THPT Lê Quý Đôn	480	818	229	28
9	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	585	1,192	48	17
10	THPT Lê Thị Hồng Gấm	450	244	559	796
11	THPT Marie Curie	910	1,105	1,755	498
12	THPT Nguyễn Thị Diệu	720	550	861	1,070
13	THPT Nguyễn Trãi	540	516	366	159
14	THPT Nguyễn Hữu Thọ	540	738	926	771
15	Trung học thực hành Sài Gòn	210	204	21	2
16	THPT Hùng Vương	1,125	1,441	1,041	228
17	Trung học thực hành ĐHSP	190	450	7	2
18	THPT Trần Khai Nguyên	675	1,132	501	44
19	THPT Trần Hữu Trang	360	268	398	316
20	THPT Mạc Đĩnh Chi	810	1,509	95	10
21	THPT Bình Phú	720	891	539	27
22	THPT Nguyễn Tất Thành	810	982	979	478
23	THPT Lê Thánh Tôn	540	751	841	358
24	THPT Tân Phong	675	240	1,495	1,350
25	THPT Ngô Quyền	675	1,060	275	46
26	THPT Nam Sài Gòn	70	92	71	72
27	THPT Lương Văn Can	675	598	657	587
28	THPT Ngô Gia Tự	675	365	927	829
29	THPT Tạ Quang Bửu	495	568	329	157
30	THPT Nguyễn Văn Linh	675	143	958	2,827
31	THPT Võ Văn Kiệt	675	801	1,898	2,741
32	THPT năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	450	248	695	824
33	THPT Nguyễn Huệ	630	930	406	254
34	THPT Phước Long	450	488	322	233
35	THPT Long Trường	540	235	1,062	1,306
36	THPT Nguyễn Văn Tăng	675	196	1,131	2,482
37	THPT Nguyễn Khuyến	810	1,029	736	35
38	THPT Nguyễn Du	510	452	514	156
39	THPT Nguyễn An Ninh	810	571	1,127	1,212
40	THPT Diên Hồng	450	353	795	1,235

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	NV1	NV2	NV3
41	THPT Sương Nguyệt Anh	270	172	309	315
42	THPT Nguyễn Hiền	450	391	190	26
43	THPT Trần Quang Khải	810	934	650	221
44	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	675	721	783	301
45	THPT Võ Trường Toản	630	1,006	290	10
46	THPT Trường Chinh	765	950	1,164	300
47	THPT Thanh Lộc	630	560	875	1,213
48	THPT Thanh Đa	540	320	987	1,496
49	THPT Võ Thị Sáu	855	1,107	1,375	219
50	THPT Gia Định	810	1,622	29	8
51	THPT Phan Đăng Lưu	675	799	1,134	859
52	THPT Trần Văn Giàu	765	646	921	530
53	THPT Hoàng Hoa Thám	810	680	623	74
54	THPT Gò Vấp	675	764	1,051	262
55	THPT Nguyễn Công Trứ	945	1,308	109	15
56	THPT Trần Hưng Đạo	900	1,369	1,124	61
57	THPT Nguyễn Trung Trực	990	675	1,513	2,908
58	THPT Phú Nhuận	810	1,238	155	14
59	THPT Hàn Thuyên	560	580	1,139	1,825
60	THPT Tân Bình	630	1,224	848	246
61	THPT Nguyễn Chí Thanh	675	963	1,051	125
62	THPT Trần Phú	900	1,568	100	7
63	THPT Nguyễn Thượng Hiền	540	1,431	2	3
64	THPT Nguyễn Thái Bình	675	1,051	1,533	1,300
65	THPT Nguyễn Hữu Huân	495	971	19	6
66	THPT Thủ Đức	720	1,245	699	37
67	THPT Tam Phú	585	884	928	279
68	THPT Hiệp Bình	495	617	1,253	1,140
69	THPT Đào Sơn Tây	765	475	1,001	1,905
70	THPT Bình Chánh	540	425	575	1,638
71	THPT Tân Túc	675	406	752	2,087
72	THPT Vĩnh Lộc B	675	217	1,575	3,003
73	THPT Lê Minh Xuân	720	878	645	515
74	THPT Đa Phước	585	367	376	1,521
75	THPT Bình Khánh	270	262	346	18
76	THPT Cần Thạnh	315	354	7	319
77	THPT An Nghĩa	315	347	38	9
78	THPT Củ Chi	540	767	36	33
79	THPT Quang Trung	405	424	404	481
80	THPT An Nhơn Tây	405	382	532	952
81	THPT Trung Phú	630	962	228	169
82	THPT Trung Lập	405	184	774	1,200
83	THPT Phú Hòa	450	437	1,279	479

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	NV1	NV2	NV3
84	THPT Tân Thông Hội	540	586	599	254
85	THPT Nguyễn Hữu Cầu	360	691	32	9
86	THPT Lý Thường Kiệt	630	919	386	96
87	THPT Bà Điểm	630	1,025	591	194
88	THPT Nguyễn Văn Cừ	585	374	1,259	2,959
89	THPT Nguyễn Hữu Tiến	585	879	729	377
90	THPT Phạm Văn Sáng	585	849	2,061	1,276
91	THPT Long Thới	360	275	170	715
92	THPT Phước Kiển	540	89	343	1,968
93	THPT Dương Văn Dương	450	156	518	464
94	THPT Tây Thạnh	900	1017	645	84
95	THPT Vĩnh Lộc	450	537	560	528
96	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	630	903	782	384
97	THPT Bình Hưng Hòa	675	718	1041	761
98	THPT Bình Tân	675	637	1800	2064
99	THPT An Lạc	630	785	703	490

THỐNG KÊ NGUYỆN VỌNG THÍ SINH TUYỂN SINH 10 CHUYÊN

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	NV1	NV2	NV3	NV4
1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	405	764	1,230	939	1,802
2	THPT chuyên Lê Hồng Phong	700	2,671	247	2,752	348
3	THPT Gia Định	210	382	618		
4	THPT Nguyễn Thượng Hiền	175	611	683		
5	THPT Mạc Đĩnh Chi	210	390			
6	THPT Nguyễn Hữu Huân	175	360			
7	THPT Củ Chi	140	130			
8	THPT Trung Phú	140	79			
9	THPT Nguyễn Hữu Cầu	140	180			